

airplane

飞机 fēi jī

ambulance

救护车 jiù hù chē

bicycle

自行车 zì xíng chē

bus

公共汽车 gōng gòng qì chē

car

小汽车 xiǎo qì chē

fire truck

消防车 xiāo fáng chē

police car

警车 jǐng chē

run

跑步 pǎo bù

school bus

校车 xiào chē

ship

船 chuán

subway

地铁dì tiě

taxi

出租车chū zū chē

train

火车huǒ chē

transportation vehicle

交通工具jiāo tōng gōng  
jù

trolley

电车diàn chē

walk

走路zǒu lù